



VNU Journal of Science: Policy and Management Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/PaM>



Original Article

Identifying Social Issues of Industrial Workers in the Context of Urbanization in Vietnam

Hoang Thị Nga*

Trade Union University, 169 Tay Son, Kim Lien, Hanoi, Vietnam

Received 13th October 2025

Revised 25th November 2025; Accepted 03rd December 2025

Abstract: The process of urbanization in Vietnam has been accelerating, particularly in the current era of national development. By 2023, the urbanization rate reached 42%. According to the General Statistics Office (2019), there are approximately 6.4 million migrant workers in the country, accounting for 7.3% of the total population. The primary motivation for migration is the pursuit of better economic opportunities, driven by the widening income gap between urban and rural areas. While rapid urbanization has facilitated the development of industrial zones, it has also generated significant social challenges, especially for industrial workers in central urban areas. This paper aims to analyze the workers' social issues in industrial zones and to propose policy measures to address the challenges faced by employees in urban enterprises.

Keywords: Industrial workers, industrial zones, urbanization, new era.

* Corresponding author.

E-mail address: ngaht@dhcd.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4577>

Nhận diện các vấn đề xã hội của công nhân lao động trong quá trình đô thị hóa ở Việt Nam

Hoàng Thị Nga*

Trường Đại học Công Đoàn, 169 Tây Sơn, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 13 tháng 10 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 11 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 03 tháng 12 năm 2025

Tóm tắt: Quá trình đô thị hóa ở Việt Nam đang diễn ra mạnh mẽ nhất là trong giai đoạn của kỷ nguyên mới của dân tộc, với tỷ lệ đô thị hóa đạt 42% vào năm 2023, theo Tổng cục Thống kê (2019), cả nước có khoảng 6,4 triệu lao động di cư, chiếm 7,3% tổng dân số, với mục đích chính là tìm kiếm cơ hội kinh tế tốt hơn do khoảng cách thu nhập giữa đô thị và nông thôn ngày càng lớn. Quá trình đô thị hóa nhanh chóng ở Việt Nam đã thúc đẩy sự phát triển của các khu công nghiệp nhưng đồng thời đặt ra nhiều thách thức xã hội, đặc biệt đối với công nhân lao động tại các đô thị trung tâm. Bài viết tập trung phân tích các vấn đề xã hội của công nhân trong các khu công nghiệp, đồng thời đề xuất các giải pháp chính sách nhằm cải thiện các vấn đề đặt ra đối với công nhân tại các doanh nghiệp hiện nay tại đô thị.

Từ khóa: Công nhân lao động, khu công nghiệp, đô thị hóa, kỷ nguyên mới.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh Việt Nam bước vào "kỷ nguyên vươn mình của dân tộc", quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa đang trở thành động lực then chốt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tái cấu trúc xã hội sâu sắc. Tính đến cuối năm 2024, với quy mô dân số đạt hơn 101,1 triệu người [1] và tỷ lệ đô thị hóa chạm mốc 44,3% [2], Việt Nam đang chứng kiến những bước chuyển dịch căn bản từ nền kinh tế nông nghiệp truyền thống sang nền kinh tế công nghiệp hiện đại. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của hệ thống đô thị và các khu công nghiệp đang làm nảy sinh một số vấn đề như giai cấp công nhân lực lượng sản xuất trực tiếp tạo ra của cải vật chất và định hình diện mạo đô thị lại đang đối diện với nguy cơ trở thành nhóm xã hội yếu thế, bị lề hóa khỏi các dòng chảy phúc lợi và an sinh xã hội.

Vấn đề xã hội của công nhân trong quá trình đô thị hóa hiện nay không còn giới hạn trong khuôn khổ quan hệ lao động đơn thuần, mà đã mở rộng thành những thách thức mang tính cấu trúc về không gian cư trú và thu nhập, an sinh xã hội,... Thực tiễn ghi nhận một làn sóng di cư lao động quy mô lớn với khoảng 6,4 triệu người dịch chuyển từ khu vực nông thôn ra thành thị [3]. Song, hạ tầng xã hội đã không bắt kịp tốc độ gia tăng dân số, dẫn đến những bất cập nghiêm trọng trong cung ứng dịch vụ thiết yếu. Hệ quả là sự hình thành tình trạng tách biệt không gian trong các khu nhà trọ tạm bợ, thiếu tiện nghi và thiếu vắng các thiết chế văn hóa ngay giữa lòng các đô thị phát triển,...

Trong kỷ nguyên mới đòi hỏi sự phát triển bao trùm, việc nhận diện và giải quyết các vấn đề xã hội của công nhân là nhiệm vụ cấp thiết để đảm bảo tính ưu việt của chế độ và sự ổn định

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: ngaht@dhcd.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4577>

chính trị. Sự chuyển đổi từ lối sống tiểu nông sang lối sống công nghiệp đang tạo ra những mâu thuẫn nhất định về văn hóa và tâm lý, khi người lao động vừa phải vật lộn mưu sinh, vừa phải thích ứng với các quan hệ xã hội mới [4]. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết "Nhận diện các vấn đề xã hội của công nhân lao động trong quá trình đô thị hóa ở Việt Nam" sẽ tập trung phân tích sâu sắc các khía cạnh về điều kiện cư trú, cấu trúc thu nhập – chi tiêu của công nhân người lao động.

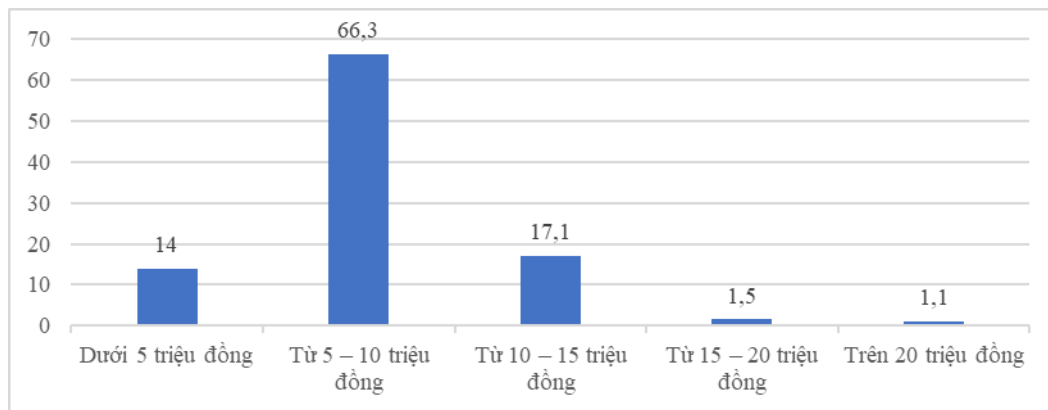
2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết vận dụng phương pháp phân tích và xử lý dữ liệu thứ cấp nhằm nhận diện các vấn đề xã hội của công nhân, dựa trên hệ thống dữ liệu được chọn lọc từ ba nguồn chính thống. Thứ nhất là kết quả Đề tài khoa học cấp Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam: “Xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội của giai cấp công nhân Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và kiến nghị chính sách” (Mã số: ĐT.XH/TLĐ.2023.10, nghiệm thu năm 2024). Đây là nguồn dữ liệu nền tảng về phân tầng xã hội và xu hướng vận động của giai

cấp công nhân. Thứ hai, nghiên cứu kế thừa dữ liệu khảo sát năm 2022 và năm 2024 của Viện Công nhân và Công đoàn. Các số liệu này phản ánh trực diện thực trạng việc làm, thu nhập, nhà ở và những nhu cầu bức thiết của người lao động tại các khu công nghiệp. Thứ ba, các số liệu từ Tổng cục Thống kê được tham chiếu để đặt vấn đề trong bối cảnh đô thị hóa quốc gia. Từ sự đối chiếu các nguồn trên, bài viết đi sâu phân tích cấu trúc thu nhập - chi tiêu và điều kiện cư trú để làm rõ những thách thức xã hội hiện nay.

3. Thực trạng thu nhập và an ninh tài chính của công nhân lao động

Trong bối cảnh đô thị hóa, thu nhập không đơn thuần là thước đo giá trị sức lao động mà còn là biến số tiên quyết định hình khả năng hòa nhập xã hội của công nhân. Mặc dù số liệu từ Tổng cục Thống kê ghi nhận thu nhập bình quân của người lao động cả nước trong 6 tháng đầu năm 2024 đạt mức 7,5 triệu đồng/tháng, song kết quả khảo sát thực địa tại các khu công nghiệp lại phản ánh một bức tranh phân hóa sâu sắc hơn nhiều về mức sống thực tế [5].



Biểu 1. Thu nhập hàng tháng của công nhân, người lao động.

Nguồn: Hoàng Thị Nga [5].

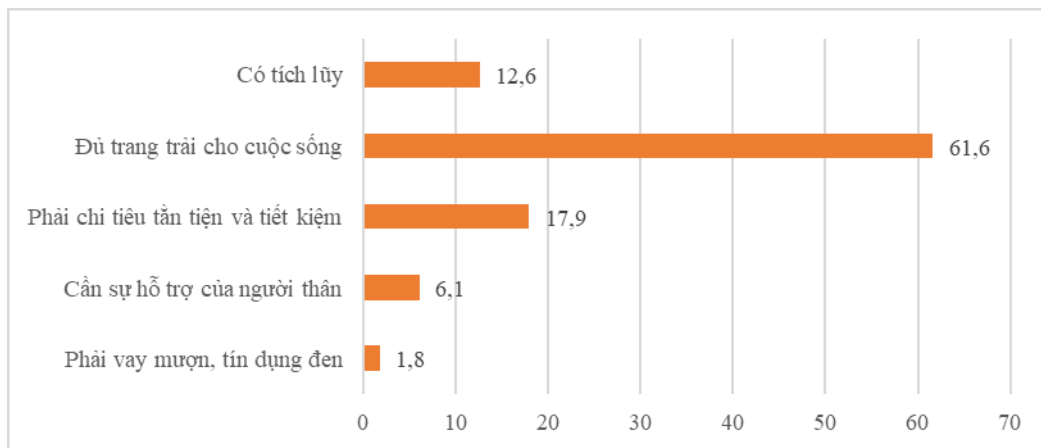
Có sự phân tầng thu nhập rõ rệt trong lực lượng lao động, đại bộ phận công nhân (66,3%) chỉ đạt ngưỡng thu nhập trung bình thấp (từ 5 đến 10 triệu đồng/tháng). Đáng quan ngại hơn, có tới 14% người lao động vẫn có thu nhập dưới

5 triệu đồng mức không đủ để đảm bảo nhu cầu sống tối thiểu tại các đô thị lớn; trong khi đó, nhóm có thu nhập khá và cao (trên 15 triệu đồng) lại chiếm tỷ trọng không đáng kể (chỉ 2,6%).

Sự mất cân đối tài chính càng trở nên gay gắt khi đặt trong mối tương quan với chi phí sinh hoạt. Cụ thể, trong khi mức chi tiêu bình quân của một hộ gia đình công nhân tại đô thị lên tới 14,73 triệu đồng/tháng, thì thu nhập cá nhân trung bình chỉ dừng lại ở con số 9,89 triệu đồng/tháng [5]. Sự chênh lệch này buộc các hộ gia đình phải tối đa hóa nguồn lực lao động của

mọi thành viên trưởng thành để bù đắp thâm hụt ngân sách thay vì lao động để tích lũy và phát triển.

Hệ quả tất yếu của sự chênh lệch giữa thu nhập và chi tiêu là năng lực tích lũy tài chính của công nhân bị kìm hãm nghiêm trọng. Dữ liệu khảo sát về thực trạng tích lũy dưới đây sẽ minh chứng rõ nét mức độ dễ bị tổn thương của nhóm xã hội này trước các biến cố và rủi ro đời sống.



Biểu 2. Khả năng tích lũy và cân đối chi tiêu của công nhân.

Nguồn: Hoàng Thị Nga [5].

Với thực tế chỉ 12,6% công nhân có khả năng tích lũy, đại bộ phận người lao động (61,6%) đang phải duy trì cuộc sống ở mức vừa đủ. Cho thấy, thu nhập hiện tại chỉ đáp ứng được nhu cầu tái sản xuất sức lao động giản đơn, hoàn toàn thiếu vắng dư địa cho các phương án dự phòng rủi ro. Nghiêm trọng hơn, gần 26% công nhân

rơi vào trạng thái thâm hụt tài chính, buộc phải thắt chặt chi tiêu tối đa, tìm kiếm sự hỗ trợ hoặc chấp nhận vay nợ. Thực trạng này phản ánh tính chất bấp bênh của nền tảng an sinh đối với người lao động tại đô thị; bất kỳ một cú sốc nhỏ nào về sức khỏe hay việc làm cũng tiềm ẩn nguy cơ đẩy họ rơi xuống dưới ngưỡng nghèo khổ.

Bảng 1. Đánh giá của công nhân về mức lương tối thiểu vùng

STT	Nội dung đánh giá	Tỷ lệ (%)
1	Cơ bản đáp ứng cuộc sống	23
2	Quá thấp, không phản ánh thực tế thị trường	38,1
3	Mức tăng hàng năm không đuổi kịp trượt giá	30,4
4	Buộc công nhân phải tăng ca để đủ sống	19
5	Không tạo động lực phấn đấu	13,9
6	Chỉ có lợi cho chủ sử dụng lao động (đóng BHXH thấp)	11
7	Không phản ánh đúng giá trị sức lao động	10,1

Nguồn: Nhạc Phan Linh [6].

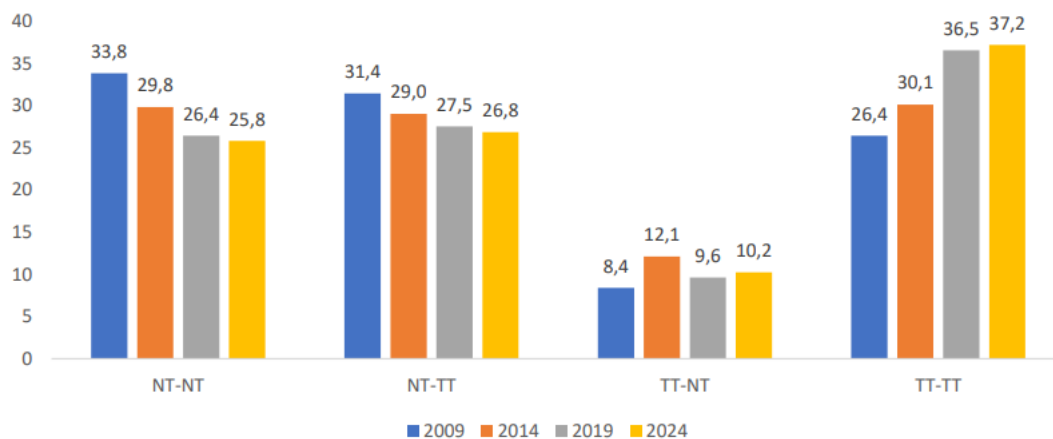
Có tới 38,1% công nhân đánh giá mức lương tối thiểu vùng hiện nay là quá thấp so với mức sống thực tế; đồng thời, 30,4% cho rằng tốc độ

điều chỉnh tăng lương đang không bắt kịp đà trượt giá tại các đô thị. Hệ lụy xã hội trực tiếp từ thực trạng này là sự hình thành của hiện tượng

"nghèo thời gian". Áp lực từ mức lương cơ bản thấp đã buộc 19% người lao động phải chấp nhận tăng ca như một giải pháp sinh tồn bắt buộc, buộc công nhân, người lao động phải đánh đổi sức khỏe và quỹ thời gian tái tạo để đổi lấy mức thu nhập chỉ đủ trang trải nhu cầu thiết yếu. Sự thâm hụt thời gian vô hình chung tước đi cơ hội học tập, nâng cao tay nghề yếu tố then chốt để cải thiện vị thế và thu nhập trong dài hạn. Đây chính là rào cản cấu trúc lớn nhất khiến giai cấp công nhân khó thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình thấp trong tiến trình đô thị hóa.

4. Di cư lao động và áp lực lên hạ tầng nhà ở, thiết chế văn hóa tại các khu công nghiệp

Xu hướng dòng di cư và khả năng đáp ứng về nhà ở;



Biểu 3. Tỷ lệ di cư theo luồng di cư từ năm 2009-2024 (%).

Nguồn: Tổng cục Thống kê [7].

Công nhân và Công đoàn cho thấy, có tới 48,3% người lao động phải sinh sống trong các khu nhà trọ cấp 4 đơn sơ, thiếu tiện nghi; bên cạnh đó, 25,5% buộc phải lựa chọn giải pháp ở ghép cùng người thân hoặc bạn bè để san sẻ gánh nặng chi phí thuê nhà. Ngược lại, chỉ một tỷ lệ rất khiêm tốn (4,6%) có khả năng tiếp cận với các loại hình nhà ở có điều kiện tốt hơn như chung cư mini.

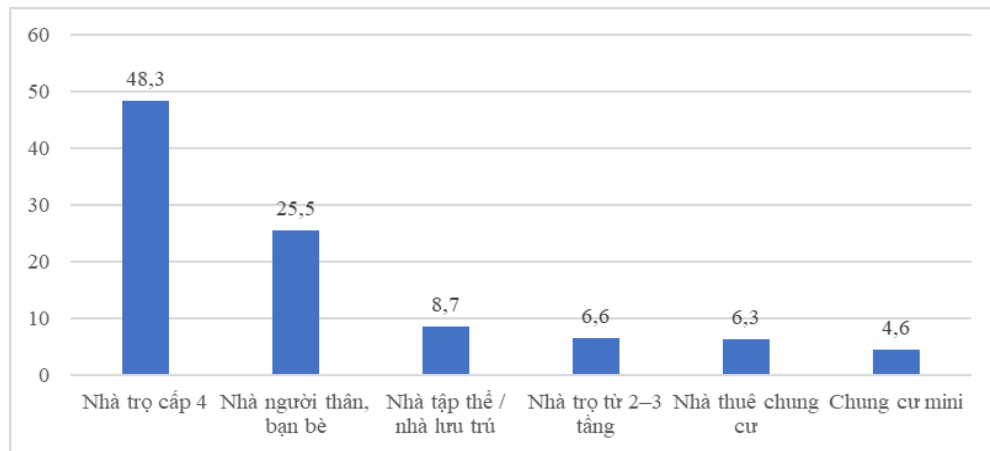
Dữ liệu từ cuộc điều tra dân số năm 2024 cho thấy các đô thị lớn và khu công nghiệp đóng vai trò là tâm điểm thu hút các dòng di cư lao động. Trong cơ cấu các luồng di cư, nhóm di cư Đô thị - Đô thị chiếm tỷ trọng lớn nhất (37,2%), theo sau là nhóm

Nông thôn - Đô thị (26,8%). Sự tập trung dân số cơ học với mật độ cao đã tạo ra áp lực quá tải nghiêm trọng lên hạ tầng nhà ở, đồng thời làm nảy sinh tình trạng phân tầng không gian cư trú ngày càng rõ rệt.

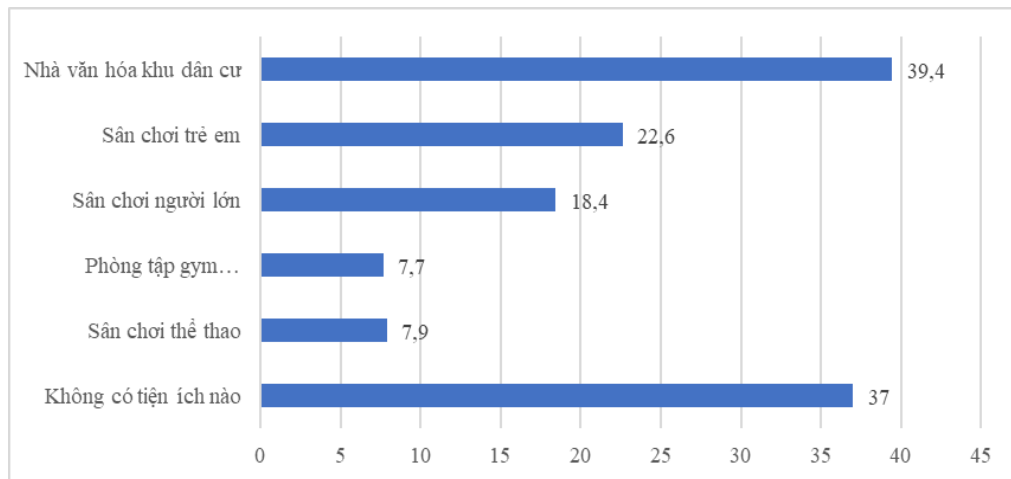
Thực trạng cư trú của công nhân hiện nay đang phản ánh một xu hướng tạm bợ trong không gian sống ở mức độ nghiêm trọng. Kết quả khảo sát năm 2023 của Viện.

Nghèo nàn về đời sống tinh thần và tiện ích công cộng;

Song hành với những hạn chế về không gian cư trú, công nhân lao động còn đang phải đối diện với tình trạng nghèo nàn nghiêm trọng về đời sống tinh thần và không gian tái tạo sức lao động.



Biểu 4. Tình trạng nhà ở của công nhân lao động (%)
 Nguồn: Nhạc Phan Linh [6].



Biểu 5. Điều kiện không gian sinh hoạt tại khu vực sinh sống của CNLD (%)
 Nguồn: Nhạc Phan Linh [8].

Biểu hiện của sự tách biệt xã hội đối với người lao động đang trở nên đặc biệt đáng quan ngại khi có tới 37% khu vực cư trú của công nhân hoàn toàn thiếu vắng hệ thống tiện ích công cộng. Trong khi đó, mật độ bao phủ của các thiết chế văn hóa thiết yếu lại ở mức cực kỳ khiêm tốn, đơn cử như tỷ lệ đáp ứng về sân chơi thể thao chỉ đạt 7,9% và phòng tập thể hình dừng lại ở mức 7,7%.

Nhu cầu về điều kiện sống và sinh hoạt của công nhân, người lao động.

Tình trạng thiếu hụt tiện ích nêu trên đang tạo ra sự tương phản với nhu cầu thực tế về đời

sống tinh thần của người lao động. Có 22,7% công nhân thể hiện nhu cầu cấp thiết về việc tiếp cận các khu vui chơi, giải trí, dịch vụ y tế và hệ thống trường học được bố trí gần khu vực sản xuất; đồng thời, 18,6% bày tỏ nguyện vọng được thụ hưởng các thiết chế thể thao, rèn luyện sức khỏe. Cho thấy, sự bất cập của hạ tầng xã hội trong việc đáp ứng các nhu cầu này không chỉ tác động tiêu cực đến thể chất, mà còn làm nghèo hóa đời sống tinh thần, đẩy người lao động vào xu hướng sống khép kín và làm xói mòn tính gắn kết cộng đồng.

Bảng 2. Nhu cầu về điều kiện sống, sinh hoạt

STT	Nhu cầu về điều kiện sống, sinh hoạt	Tỷ lệ (%)
1	Muốn được thuê nhà ở xã hội	2,8
2	Muốn được mua nhà ở xã hội	20,7
3	Đơn vị hỗ trợ nhà ở miễn phí (nhà tập thể, ký túc xá, nhà lưu trú,...)	7,5
4	Được bố trí nhà ở tại địa bàn các khu công nghiệp	6,4
5	Nhà nước tiếp tục hỗ trợ giảm chi phí điện, nước, nhà trọ	46,3
6	Có nhiều cửa hàng bình ổn giá, giảm giá trong các khu công nghiệp/khu chế xuất	26,6
7	Có khu vui chơi, giải trí, dịch vụ y tế, trường học, viện dưỡng lão,... gần đơn vị công tác	22,7
8	Có khu tập luyện thể dục, thể thao	18,6

Nguồn: Nhạc Phan Linh [6].

Mặc dù nhu cầu tiêu dùng và thụ hưởng tiện ích của người lao động cao (26,6%) với mong muốn có hệ thống cửa hàng bình ổn giá và các dịch vụ hỗ trợ song công tác quy hoạch tại các khu công nghiệp hiện nay chú trọng phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất, trong khi hạ tầng xã hội phục vụ con người lại chưa được quan tâm tương xứng..

5. Rủi ro an sinh và hệ quả xã hội từ tình trạng nợ lương, nợ bảo hiểm xã hội

Bên cạnh áp lực về thu nhập thấp, tính chất bất ổn của quan hệ lao động còn được bộc lộ rõ nét qua thực trạng nợ lương và nợ Bảo hiểm xã hội (BHXH). Kết quả khảo sát của Viện Công nhân và Công đoàn năm 2023 cho thấy trách nhiệm công khai thông tin của doanh nghiệp còn

hiều hạn chế. Cụ thể, chỉ có 46,8% trường hợp nợ lương được doanh nghiệp thông báo trước; điều này đồng nghĩa với việc hơn một nửa số công nhân bị đẩy vào thế bị động. Đáng chú ý, có tới 16,1% người lao động chỉ nhận được thông báo ngay tại thời điểm đến kỳ hạn trả lương. Nghiêm trọng hơn là tình trạng nợ BHXH. Có 4,8% công nhân chỉ nắm bắt được thông tin doanh nghiệp nợ bảo hiểm qua kênh phi chính thức (đồng nghiệp) và 3,2% chỉ phát hiện ra sự việc khi trực tiếp thực hiện thủ tục thụ hưởng chế độ. Đặc biệt, việc cơ quan BHXH chỉ thực hiện thông báo trực tiếp được cho 27,4% trường hợp đã bộc lộ những thiếu sót trong cơ chế giám sát và truyền thông, khiến quyền lợi an sinh của người lao động bị ảnh hưởng.

Tác động của việc nợ lương và BHXH không dừng lại ở những con số tài chính mà đã tạo ra những hệ lụy xã hội đa chiều.

Bảng 3. Hệ quả xã hội của việc nợ lương, nợ bảo hiểm

STT	Hệ quả tác động	Tỷ lệ (%)
1	Đời sống gặp khó khăn, đảo lộn do thiếu thu nhập	53,6
2	Không nhận được trợ cấp thất nghiệp	21,4
3	Không được hưởng BHYT khi khám chữa bệnh	14,3
4	Không chốt được sổ BHXH để chuyển việc	7,1
5	Mất chế độ hưu trí	1,8
6	Phải đi làm thuê thời vụ để trang trải	1,8

Nguồn: Nhạc Phan Linh [6].

Tình trạng nợ lương gây ra những khó khăn trong sinh kế hàng ngày, phần lớn công nhân, người lao động (53,6%) khẳng định đời sống bị

xáo trộn nghiêm trọng do mất đi nguồn thu nhập chính. Nợ BHXH dẫn đến lỗ hổng của lưới an sinh xã hội, hành vi chiếm dụng tiền đóng bảo

hiểm của doanh nghiệp đã hạn chế các cơ chế bảo vệ cơ bản nhất của người lao động (21,4% không được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi mất việc và 14,3% bị từ chối quyền lợi Bảo hiểm y tế khi ốm đau). Thực trạng này đẩy người lao động vào tình thế vừa sụt giảm thu nhập, vừa phải gánh chịu chi phí y tế tự chi trả.

Như vậy, tình trạng nợ lương và BHXH đang trở thành rào cản cấu trúc trong tiến trình phát triển bền vững. Vấn đề này không chỉ làm xói mòn niềm tin của người lao động vào hệ thống an sinh xã hội mà còn làm suy giảm động lực làm việc, đi ngược lại mục tiêu xây dựng quan hệ lao động hài hòa và tiến bộ trong bối cảnh mới.

6. Những thách thức đặt ra

Bên cạnh những cơ hội, quá trình đô thị hóa cũng đặt công nhân lao động trước những thách thức mang tính cấu trúc và dai dẳng, đòi hỏi phải được nhận diện một cách thấu đáo trên ba phương diện chủ yếu:

Thứ nhất, thách thức về sự "phân tách không gian" và rào cản hòa nhập xã hội. Mặc dù đóng vai trò là chủ thể sản xuất tại đô thị, công nhân đang đối diện với nguy cơ bị lề hóa khỏi không gian xã hội chung. Thực tế 48,3% người lao động phải cư trú trong các nhà trọ tạm bợ và 37% khu vực sinh sống hoàn toàn thiếu vắng tiện ích công cộng là minh chứng cho sự hình thành các "khu trọ nghèo" biệt lập. Sự phân tầng không gian này ngăn cản công nhân thụ hưởng bình đẳng các giá trị văn hóa, giáo dục và y tế, biến họ trở thành những "người ngụ cư" ngay trên mảnh đất mà họ đang trực tiếp đóng góp xây dựng.

Thứ hai, nghèo thời gian và giới hạn năng lực phát triển. Sự hình thành của tầng lớp công nhân nghèo về quỹ thời gian, chênh lệch lớn giữa thu nhập thực tế (xấp xỉ 9,89 triệu đồng) và nhu cầu chi tiêu hộ gia đình (14,73 triệu đồng) đã tạo áp lực buộc người lao động phải đánh đổi thời gian nghỉ ngơi để làm thêm giờ (chiếm tỷ lệ khoảng 20,9% nhu cầu). Việc bị cuốn vào vòng xoáy mưu sinh khiến công nhân, người lao động không còn quỹ thời gian cho việc tái sản xuất sức lao động mở rộng hay học tập nâng cao tay nghề, từ đó khó thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình thấp.

Thứ ba, thách thức về sự thiếu minh bạch trong quan hệ lao động tạo lỗ hổng cho lưới an sinh xã hội, đây là rào cản làm kìm hãm sự phát triển bền vững của giai cấp công nhân đặc biệt là tình trạng nợ lương hay chậm đóng bảo hiểm, sâu xa hơn là phản ánh mặt hạn chế trong thực thi quy chế dân chủ cơ sở, khiến người lao động vào thế hoàn toàn bị động trước các biến cố sinh kế. Việc doanh nghiệp thiếu minh bạch trong thực hiện trách nhiệm xã hội đã làm trầm trọng thêm những lỗ hổng thực tế trong lưới an sinh, tước đi quyền được bảo vệ về y tế và trợ cấp thất nghiệp của công nhân đứng vào những thời điểm họ dễ bị tổn thương nhất.

7. Kết luận

Quá trình đô thị hóa trong bối cảnh Việt Nam bước vào "kỷ nguyên vươn mình của dân tộc" đã xác lập vị thế trung tâm của giai cấp công nhân, tuy nhiên lực lượng sản xuất chủ đạo kiến tạo của cải vật chất lại đang đối diện nguy cơ trở thành nhóm xã hội yếu thế với những tổn thương đa chiều. Kết quả nghiên cứu khẳng định các vấn đề xã hội của công nhân hiện nay mang tính cấu trúc sâu sắc, biểu hiện tập trung qua ba khía cạnh. Thứ nhất là sự phân tách không gian trong cư trú, đẩy người lao động vào các khu vực thiếu hụt nghiêm trọng về hạ tầng và thiết chế văn hóa. Thứ hai là bẫy nghèo thời gian và sinh kế bấp bênh do thu nhập thấp buộc công nhân, người lao động phải đánh đổi sức khỏe và cơ hội nâng cao tay nghề để mưu sinh, từ đó hình thành tâm lý xã hội phòng thủ thay vì khát vọng thăng tiến. Thứ ba, sự thiếu minh bạch trong quản trị doanh nghiệp điển hình là tình trạng nợ lương và chiếm dụng Bảo hiểm xã hội đang làm ảnh hưởng đến lưới an sinh, tước đi cơ chế bảo vệ căn bản của người lao động.

Khuyến nghị chính sách

Từ kết quả nhận diện các vấn đề xã hội về thu nhập, nhà ở và an sinh, bài viết đề xuất ba nhóm giải pháp trọng tâm nhằm giải quyết các vấn đề xã hội của công nhân lao động trong quá trình đô thị hóa:

Thứ nhất, cải cách chính sách tiền lương, chuyển dịch từ lương tối thiểu sang lương đủ

sống. Chính sách tiền lương cần thay đổi tư duy căn bản không chỉ dừng lại ở việc quy định mức lương tối thiểu vùng như một mức sàn pháp lý, mà cần lộ trình hướng tới mức lương đủ sống thực tế. Mức lương này phải được tính toán dựa trên hàng hóa thực tế tại các đô thị (bao gồm chi phí nhà ở, nuôi con, và dự phòng rủi ro) thay vì chỉ đáp ứng nhu cầu sinh học tối thiểu. Đồng thời, cần luật hóa tỷ lệ cứng của lương cơ bản trong tổng thu nhập. Việc này nhằm đảm bảo an toàn lưới an sinh (do BHXH đóng trên lương cơ bản) và giảm thiểu tình trạng công nhân buộc phải "bán" thời gian nghỉ ngơi (làm thêm giờ) để bù đắp chi phí sinh hoạt.

Thứ hai, tái cấu trúc mô hình cư trú, ưu tiên phát triển thiết chế công đoàn và nhà ở xã hội cho thuê. Giải quyết vấn đề nhà ở không thể chỉ dựa vào việc xây dựng các căn hộ xã hội để bán (vốn thường vượt quá khả năng chi trả của nhóm thu nhập dưới 10 triệu đồng). Nhà nước cần có cơ chế ưu đãi đặc biệt về đất đai và vốn vay để phát triển mạnh phân khúc nhà ở xã hội cho thuê dài hạn với giá thấp, do tổ chức Công đoàn hoặc các doanh nghiệp phi lợi nhuận quản lý. Quan trọng hơn, để xóa bỏ tình trạng tách biệt không gian đô thị, các dự án nhà ở công nhân bắt buộc phải được quy hoạch tích hợp với hạ tầng xã hội thiết yếu (trường mầm non công lập, trạm y tế, nhà văn hóa, siêu thị bình ổn giá) ngay tại nội khu, đảm bảo công nhân được thụ hưởng quyền bình đẳng về không gian sống như các cư dân đô thị khác.

Thứ ba, số hóa quản trị an sinh, trao quyền giám sát cho người lao động. Để khắc phục tình trạng "bất đối xứng thông tin" dẫn đến nợ lương và trốn đóng BHXH, cần ứng dụng triệt để công nghệ số vào quản lý lao động. Cần hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, cho phép người lao động tra cứu tình trạng đóng hưởng theo thời gian thực qua các ứng dụng di động (như VNeID). Cơ chế này giúp công nhân chủ động phát hiện sớm các hành vi vi phạm của doanh nghiệp để khiếu nại kịp thời, đồng thời tạo áp lực minh bạch buộc doanh nghiệp phải tuân thủ trách nhiệm xã hội, hạn chế tối đa các tác động đến sinh kế do nợ lương, nợ bảo hiểm gây ra.

Tài liệu tham khảo

- [1] Vietnam Population Authority, How will Vietnam's Population Change in 2025?, <https://vnpa.moh.gov.vn/tin-tong-hop/nam-2025-dan-so-viet-nam-thay-doi-the-nao>, 2025 (accessed on: September 23rd, 2025) (in Vietnamese).
- [2] Journal of Economics and Finance, National Urbanization Rate in 2024 Reaches 44.3%, Exceeding National Assembly Targets, <https://tapchikinhthetaichinh.vn/ty-le-do-thi-hoa-toan-quoc-nam-2024-dat-44-3-vuot-chi-tieu-quoc-hoi-giao.html>, 2025 (accessed on: September 23rd, 2025) (in Vietnamese).
- [3] T. T. A. Nguyet, Overview of Labor Migration and the Impact of the COVID-19 Pandemic on Migrant Workers in Vietnam, *Vietnam Journal of Agricultural Sciences*, Vol. 22, No. 2, 2024, pp. 273-283 (in Vietnamese).
- [4] People's Army Newspaper, Digital Society in the Era of the Nation's Rise, <https://media.qdnd.vn/long-form/xa-hoi-so-trong-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-61060>, 2024 (accessed on: September 23rd, 2025) (in Vietnamese).
- [5] H. T. Nga, Trends in Social Structure Transformation of the Vietnamese Working Class to 2030, Vision to 2045 and Policy Recommendations, General Confederation-level Project, Code: ĐT.XH/TLĐ.2023.10, Vietnam General Confederation of Labour, 2024 (in Vietnamese).
- [6] N. P. Linh, Research on Employment, Income, Living Conditions, Thoughts, and Aspirations of Workers, Public Employees, and Laborers in 2023, Vietnam General Confederation of Labour, 2024 (in Vietnamese).
- [7] General Statistics Office, Press Release on Results of the Intercensal Population and Housing Survey 2024, <https://www.nso.gov.vn/wp-content/uploads/2024/12/Dieu-tra-Dan-so-giua-ky-2024-31.12-2.pdf>, 2024 (accessed on: September 23rd, 2025) (in Vietnamese).
- [8] N. P. Linh, Research on Employment, Income, Living Conditions, Thoughts, and Aspirations of Workers, Public Employees, and Laborers in 2022, Vietnam General Confederation of Labour, 2022 (in Vietnamese).